

QUAN ĐIỂM CỦA C.MÁC – PH.ĂNG-GHEN VỀ MỐI QUAN HỆ GIỮA CON NGƯỜI VÀ TỰ NHIÊN – SỰ VẬN DỤNG Ở VIỆT NAM

Nguyễn Thị Nga^{1*}, Hoàng Thu Trang¹

¹*Viện Triết học, Học viện Chính trị Quốc gia Hồ Chí Minh*

* *Email: ngavientriet@yahoo.com*

Ngày nhận bài: 16/04/2022 Ngày nhận bài sửa sau phân biện: 29/05/2022 Ngày chấp nhận đăng: 17/06/2022

TÓM TẮT

Theo quan điểm của các nhà kinh điển triết học Mác, con người là một bộ phận của tự nhiên và giới tự nhiên là thân thể vô cơ của con người. Do đó, mọi hành vi con người hủy hoại tự nhiên cũng chính là hủy hoại bản thân mình và tất yếu con người sẽ phải trả giá đắt. Những quan điểm này vẫn còn giữ nguyên ý nghĩa cho đến ngày nay, nhất là trong bối cảnh cuộc sống của loài người đang bị đe dọa, tàn phá bởi ô nhiễm môi trường và biến đổi khí hậu, do chính cách ứng xử của con người với tự nhiên gây ra. Bài viết tập trung khái quát quan điểm cơ bản của C.Mác – Ph.Ăng-ghe-nen về mối quan hệ giữa con người với tự nhiên, từ đó phân tích sự vận dụng quan điểm này trong phát triển bền vững ở Việt Nam hiện nay, trên cơ sở giải quyết đúng đắn mối quan hệ giữa con người và tự nhiên.

Từ khóa: bảo vệ môi trường, phát triển bền vững, quan hệ giữa con người và tự nhiên, triết học Mác

K.MARX AND F.ENGELS' POINTS ON THE RELATIONS BETWEEN HUMANS AND NATURE - APPLICATION IN VIETNAM

ABSTRACT

According to the classics of Marx's philosophy, human being is a part of nature and the nature is the inorganic body of people. Hence, all of people acts that destroy nature also destruct themselves and people will have to pay the price undoubtedly. These viewpoints are still relevant to these days, especially in the context that human life is threatened and ravaged by environmental pollution and climate change caused by human activities. The article focuses on generalizing the basic views of K.Marx and F.Engels on the relationship between humans and nature. By doing so, it analyzes the application of this viewpoint to sustainable development in Vietnam today on a basis of properly resolving the relationship between humans and nature.

Keywords: environmental protection, Marxist philosophy, sustainable development, the relationship between humans and nature

1. ĐẶT VẤN ĐỀ

Ô nhiễm môi trường tự nhiên và biến đổi khí hậu xảy ra trên toàn cầu đang có những

tác động hết sức tiêu cực đến quá trình phát triển kinh tế - xã hội của các quốc gia, đe dọa nghiêm trọng đến cuộc sống, sức khỏe và tính

mạng của con người. Vấn đề này không phải mới được các nhà khoa học, nghiên cứu luận bàn trong thời gian gần đây, mà đã được C.Mác và Ph.Ăng-ghe-n đặt ra từ giữa thế kỷ XIX. Quan niệm coi con người và tự nhiên là một thể thống nhất mà ở đó, con người tác động lên tự nhiên cũng chính là tác động lên bản thân mình và những cái giá mà con người phải trả khi huỷ hoại tự nhiên của các nhà kinh điển triết học Mác cho đến nay vẫn giữ nguyên ý nghĩa và ngày càng thể hiện giá trị to lớn. Điều đó cảnh tỉnh và gợi mở cho các quốc gia trên toàn thế giới trong đó có Việt Nam hướng phát triển bền vững trên cơ sở nhận thức và giải quyết đúng đắn mối quan hệ giữa con người và tự nhiên, thay đổi hành vi và cách ứng xử sai lầm của con người với tự nhiên.

2. PHƯƠNG PHÁP NGHIÊN CỨU

Trong bài viết, các tác giả đã sử dụng phương pháp phân tích để phân tích những quan điểm cơ bản của C.Mác – Ph.Ăng-ghe-n về mối quan hệ giữa con người với tự nhiên; phương pháp tổng hợp, khái quát hoá để khái quát những giá trị và rút ra bài học từ quan điểm của C.Mác – Ph.Ăng-ghe-n về mối quan hệ giữa con người với tự nhiên; phương pháp lịch sử – cụ thể để phân tích sự vận dụng quan điểm của C.Mác – Ph.Ăng-ghe-n về quan hệ giữa con người và tự nhiên trong phát triển bền vững ở Việt Nam hiện nay.

3. NỘI DUNG NGHIÊN CỨU

3.1. Những giá trị cơ bản trong quan niệm của C.Mác và Ph.Ăng-ghe-n về mối quan hệ giữa con người và tự nhiên

Thứ nhất, C.Mác và Ph. Ăng-ghe-n chỉ ra mối quan hệ thống nhất giữa con người và tự nhiên – cơ sở lý luận cho việc bảo vệ môi trường tự nhiên.

Với quan điểm duy vật triệt để và phương pháp biện chứng, xuất phát từ việc nghiên cứu con người hiện thực, C.Mác và Ph.Ăng-ghe-n đã tạo ra một bước ngoặt cách mạng trong nhận thức về bản chất con người khi

khẳng định con người là một sinh vật có tính xã hội ở trình độ phát triển cao nhất của giới tự nhiên và của lịch sử xã hội (C.Mác & Ph.Ăng-ghe-n, 1995). Những thành tựu vượt bậc của khoa học tự nhiên thế kỷ XIX đã cung cấp cứ liệu cho các nhà kinh điển triết học Mác, nhất là Ph.Ăng-ghe-n những luận cứ chính xác và thuyết phục để ông đi đến kết luận: con người là “một cơ thể phức tạp nhất mà giới tự nhiên sản sinh ra được” (C.Mác & Ph.Ăng-ghe-n, 2002). Như thế có nghĩa là, con người xuất hiện là một bước tiến nhảy vọt về chất trong sự tiến hóa của giới tự nhiên; cũng có nghĩa là, giống như tất cả các loài động vật khác trên trái đất, con người được sinh ra từ trong tự nhiên, có nguồn gốc từ tự nhiên, là kết quả của sự phát triển và tiến hóa lâu dài của giới tự nhiên.

Trong tác phẩm *Bản thảo kinh tế - triết học năm 1844*, C.Mác đã đưa ra luận điểm: “Giới tự nhiên... là *thân thể vô cơ* của con người. Con người *sống* bằng giới tự nhiên... Nói rằng đời sống thể xác và tinh thần của con người gắn liền với giới tự nhiên, nói như thế chẳng qua chỉ có nghĩa là giới tự nhiên gắn liền với bản thân giới tự nhiên, vì con người là một bộ phận của giới tự nhiên” (C.Mác & Ph.Ăng-ghe-n, 2000). Với luận điểm này, C.Mác đã xác lập mối quan hệ thống nhất giữa con người và tự nhiên khi chỉ ra con người là một bộ phận của giới tự nhiên và giới tự nhiên chính là “*thân thể vô cơ*” của con người theo nghĩa giới tự nhiên cung cấp môi trường sống cho con người, con người chỉ có thể sống trong môi trường tự nhiên và phải thường xuyên “*giao tiếp*” với nó để có thể tồn tại được. C.Mác nhấn mạnh: “*khi anh quan niệm con người và tự nhiên là không tồn tại thì anh hãy quan niệm cả bản thân anh cũng không tồn tại, vì anh cũng là tự nhiên và cũng là con người*” (C.Mác & Ph.Ăng-ghe-n, 2000).

Tiếp tục bổ sung, làm rõ thêm luận điểm này của C.Mác, trong tác phẩm *Chống Duyrinh*, Ph.Ăng-ghe-n chỉ rõ: “*bản thân cái sự kiện là con người từ loài động vật mà ra,*

cũng đã quyết định việc con người không bao giờ hoàn toàn thoát ly khỏi những đặc tính vốn có của con vật” (C.Mác & Ph.Ăng-ghe-n, 2000). Điều đó cũng có nghĩa, giống như con vật, con người cũng phải sống nhờ vào tự nhiên, trước hết là tìm kiếm thức ăn, nước uống trong tự nhiên, sinh con, đẻ cái, “đấu tranh sinh tồn” để tồn tại. Nhưng con người không thể dựa mãi vào tự nhiên để tìm kiếm đồ ăn, thức uống bởi sự gia tăng số lượng không ngừng của con người sẽ khiến tự nhiên cạn kiệt. Vì thế, để sinh tồn và phát triển, con người phải tiến hành lao động sản xuất ra của cải vật chất nhằm thỏa mãn các nhu cầu ăn, uống, mặc, ở... của mình. Nhưng kể cả khi con người sản xuất ra của cải vật chất để sinh tồn và phát triển thì con người cũng không thể thoát khỏi sự phụ thuộc vào tự nhiên bởi chính giới tự nhiên lại là “cái cung cấp những vật liệu cho lao động biến thành của cải” (C.Mác & Ph.Ăng-ghe-n, 2000).

Không những thế, giới tự nhiên còn gợi mở sự sáng tạo vô hạn của con người trong quá trình lao động sản xuất và phát triển. Nếu như con vật phải hoàn toàn sống dựa vào các sản phẩm của tự nhiên theo bản năng thì con người, với tư cách là một thực thể xã hội, lại sống bằng lao động sản xuất, bằng việc cải tạo, biến đổi tự nhiên để tạo ra của cải vật chất thỏa mãn các nhu cầu của mình. Vì thế, khác với lịch sử của con vật – “là lịch sử nguồn gốc của chúng và sự phát triển dần dần của chúng cho đến trạng thái hiện nay của chúng, nhưng lịch sử ấy không phải do chúng làm ra, và trong chừng mực mà chúng có tham dự vào việc làm ra lịch sử ấy, thì điều đó diễn ra mà chúng không hề biết và không phải do ý muốn của chúng” (C.Mác & Ph.Ăng-ghe-n, 2002), con người tự sáng tạo ra lịch sử của chính mình. Tất nhiên, sự sáng tạo ấy không phải là sự sáng tạo tùy tiện mà phải tuân theo các quy luật của tự nhiên. Sự sáng tạo ấy cũng không phải bỗng nhiên có mà chính là lại học hỏi từ tự nhiên.

Mặc dù sự sáng tạo của con người được gợi mở từ tự nhiên nhưng sự sáng tạo ấy đã

khiến con người khác tất cả các loài động vật khác trong tự nhiên, không phải hoạt động theo bản năng mà là hoạt động có chủ đích, hoạt động chinh phục tự nhiên, cải tạo tự nhiên, biến đổi tự nhiên để phục vụ cho nhu cầu ngày càng tăng của mình. Về điểm này, C.Mác đã từng khẳng định: “một số kiến trúc sư có thể cảm thấy hổ thẹn khi chứng kiến con ong xây dựng những ngăn tổ sấp của mình, nhưng điều khác biệt ngay từ đầu giữa một kiến trúc sư tồi nhất và con ong xây tổ giỏi nhất là mô hình ngôi nhà đã được xây dựng trước trong đầu của kiến trúc sư” (C.Mác & Ph.Ăng-ghe-n, 2002). Tuy nhiên, điều đó cũng không hề phủ nhận và mâu thuẫn với việc cho đến nay, giới tự nhiên vẫn chứng tỏ nó chứa đựng vô tận sự gợi mở cho những sáng tạo của con người trong quá trình phát triển của chính bản thân xã hội loài người.

Như vậy, rõ ràng, con người và tự nhiên là một thể thống nhất, không tách rời nhau theo nghĩa: con người được sinh ra từ trong tự nhiên, có nguồn gốc từ tự nhiên, là một bộ phận của tự nhiên; giới tự nhiên là thân thể vô cơ của con người, cung cấp cho con người môi trường sống, cung cấp vật liệu để con người biến thành của cải, gợi mở sự sáng tạo vô tận cho con người trong quá trình phát triển. Do đó, con người không thể sống, phát triển mà tách rời khỏi giới tự nhiên. Ph.Ăng-ghe-n đã khẳng định: “bản thân chúng ta, với cả xương thịt, máu mủ và đầu óc chúng ta, là thuộc về giới tự nhiên, chúng ta nằm trong lòng tự nhiên” (C.Mác & Ph.Ăng-ghe-n, 2002) và tất yếu, con người cũng không thể sống nếu môi trường tự nhiên bị hủy hoại. Đó cũng là lý do tại sao loài người phải bảo vệ môi trường tự nhiên, bảo vệ giới tự nhiên vì sự tồn tại và phát triển của chính bản thân mình.

Thứ hai, C.Mác và Ph.Ăng-ghe-n cảnh báo về những hiểm họa của tự nhiên trước hành vi khai thác tự nhiên một cách cạn kiệt, thô bạo của con người.

Các nhà kinh điển triết học Mác khẳng định: tất cả các hành vi con người tác động vào tự nhiên dù là với mục đích chinh phục tự nhiên, cải biến tự nhiên hay khai thác tự nhiên để phục vụ nhu cầu của mình, cũng đều là hành vi con người tác động lên chính bản thân mình. Điều đó đồng nghĩa với việc tất cả hành vi con người hủy hoại tự nhiên bằng phương thức nào, theo con đường nào, trên phương diện nào, ở mức độ nào cũng sẽ đều là hành vi con người hủy hoại chính bản thân mình và tất yếu con người sẽ phải trả giá.

Ngay trong tác phẩm *Biện chứng của tự nhiên* được viết từ những năm 1870, Ph.Ăng-ghe-n đã dẫn ra hàng loạt các minh chứng cho thấy cái giá mà con người phải trả, cuộc sống của con người sẽ bị hủy hoại bởi chính con người như thế nào nếu con người tàn phá tự nhiên. Ông viết: “Ở Mê-xô-pô-ta-mi, ở Hy Lạp, ở Tiểu Á và ở các nơi khác, khi người ta phá rừng để làm đất cày cấy, thì không mấy khi họ nghĩ rằng làm như thế là họ đã tạo ra nguồn gốc sinh ra những mối tai họa hiện nay trong những nước đó, vì rằng khi phá rừng, họ đã hủy hoại những trung tâm chứa nước và giữ nước. Những người miền núi ở I-ta-li-a, khi phá hoại các đám rừng tùng trên sườn phía nam dải núi An-pơ, trong lúc những đám rừng như thế được bảo vệ một cách chu đáo bên sườn núi phía bắc, thì họ không nghĩ rằng, làm như vậy là đã phá hoại việc chăn nuôi trên núi cao trong nước; và họ lại càng không nghĩ rằng như thế là họ đã làm cho các suối nước trên núi bị khô cạn suốt một phần lớn thời gian trong năm, và đến mùa mưa thì nước lũ của các khe suối đó lại tuôn xuống càng dữ dội hơn nữa, làm ngập cả đồng bằng”; “Khi đốt rừng trên các triền núi và lấy số phân tro đủ để bón cho một đời cây cà phê, đem lại một số thu hoạch rất lớn, thì những người chủ đồn điền Tây Ba Nha ở Cu-ba có cần gì phải nghĩ rằng sau này, những trận mưa rào ở vùng nhiệt đới sẽ cuốn sạch lớp đất bên trên không có gì che chở và chỉ để lại những lớp đá trơ trụi”... (C.Mác & Ph.Ăng-ghe-n, 2002).

Chính từ đây, Ph.Ăng-ghe-n đã đưa ra cảnh báo đối với toàn thể nhân loại: “chúng ta không nên quá tự hào về những thắng lợi của chúng ta đối với giới tự nhiên. Bởi vì, cứ mỗi lần chúng ta đạt được một thắng lợi, là mỗi lần giới tự nhiên trả thù lại chúng ta” (C.Mác & Ph.Ăng-ghe-n, 2002). Đây có thể coi là dự báo hay cảnh báo có tính chất vượt thời đại của triết học Mác.

Tổng hợp số liệu chính thức của các tổ chức phi chính phủ và cơ quan cứu trợ, cũng như các nghiên cứu khoa học và báo cáo truyền thông, Quỹ từ thiện Christian Aid (Anh) cho biết, trên toàn thế giới, thảm họa thiên tai đã khiến hàng triệu người mất nhà ở và cướp đi sinh mạng của nhiều người, gây ra thiệt hại lớn kinh tế lớn. Cụ thể, trong năm 2019, thế giới trải qua nhiều thảm họa thiên tai và ít nhất 15 thảm họa trong số đó gây thiệt hại hơn một tỷ USD, thậm chí 7 thảm họa có mức thiệt hại ít nhất 10 tỷ USD. Đặt vấn đề về nguyên nhân dẫn đến những thảm họa thiên nhiên này, Christian Aid cho rằng biến đổi khí hậu – một trong những hệ quả tất yếu của việc con người tàn phá tự nhiên đã dẫn đến các hiện tượng thời tiết cực đoan, gây ra những thảm họa về tự nhiên mà chính con người phải gánh chịu. Do đó, Christian Aid cũng nhấn mạnh: “Nếu thế giới không thực hiện những hành động khẩn cấp để giảm khí thải, nhiệt độ toàn cầu sẽ tăng thêm ít nhất 0,5°C trong 20 năm tới và tiếp tục tăng 2 – 3°C vào cuối thế kỷ này. Khí hậu toàn cầu sẽ tiếp tục trở nên cực đoan hơn và mọi người trên khắp thế giới sẽ tiếp tục phải trả giá” (Bảo Duy, 2019).

Báo cáo của Liên Hiệp Quốc về biến đổi khí hậu được công bố ngày 28/02/2022 tiếp tục cung cấp một bức tranh tổng thể về những gì mà con người đã, đang và sẽ phải hứng chịu. Cụ thể: hơn 1 tỷ người ở các vùng ven biển đối mặt với nguy cơ ngập lụt vào giữa thế kỷ, gần 50% dân số thế giới trong “vùng nguy hiểm” vì biến đổi khí hậu và 14% số loài sinh vật trên cạn phải đối mặt với nguy cơ tuyệt chủng “rất cao” nếu nhiệt độ toàn

cầu tăng 1,5°C so với thời kỳ tiền công nghiệp; hiện nay, ít nhất 3,3 tỷ người đang sống trong vùng nguy hiểm do tác động của biến đổi khí hậu và có nguy cơ tử vong vì thời tiết cực đoan cao hơn 15 lần; nếu tình trạng ấm lên toàn cầu không được kiểm soát ở mức 1,5°C so với thời kỳ tiền cách mạng công nghiệp thì Trái Đất, vốn liên tục hứng chịu các đợt nắng nóng, cháy rừng, lũ lụt và hạn hán trong những thập kỷ qua sẽ suy thoái theo hàng trăm cách khác nhau, trong đó có những cách không thể đảo ngược... (Lê Ánh, 2022).

Đã là khá muộn để một lần nữa loài người phải nghiêm túc nhìn nhận lại những cảnh báo của triết học Mác về cái giá mà con người phải trả nếu hủy hoại tự nhiên. Nhưng muộn còn hơn là không bao giờ, bởi nếu con người không kịp thời thay đổi ngay suy nghĩ và hành vi của mình trong cách ứng xử với tự nhiên, tiếp tục hủy hoại thân thể vô cơ của mình vì những lợi ích trước mắt thì không phải là một vài người, một nhóm người, một vài quốc gia, một vài nơi nào đó ở châu lục này hay châu lục khác hứng chịu hậu quả mà sẽ là sự diệt vong của toàn nhân loại.

Thứ ba, C.Mác và Ph.Ăng-ghe-n gọi mở vấn đề bảo vệ môi trường tự nhiên trong xây dựng, phát triển xã hội – phát triển bền vững vì hạnh phúc của chính con người.

Từ việc cảnh báo những hậu quả nghiêm trọng mà loài người sẽ phải gánh chịu trước các hành vi hủy hoại tự nhiên, khai thác tự nhiên cạn kiệt, phá vỡ các quy luật của tự nhiên, và rằng con người sẽ không thể tồn tại và phát triển lâu dài nếu tự nhiên bị phá hủy, chính triết học Mác đã gọi mở cho con người một hướng phát triển mới – phát triển bền vững gắn liền với việc bảo vệ môi trường tự nhiên vì hạnh phúc của chính con người.

Thực tế cho thấy, loài người sẽ không thể đạt được sự phát triển bền vững nếu sự phát triển đó làm cho môi trường tự nhiên bị hủy hoại. Hội nghị Thượng đỉnh Trái Đất về môi trường và phát triển tổ chức ở Rio de Janeiro (Brasil) năm 1992 và Hội nghị Thượng đỉnh thế giới về phát triển bền vững tổ chức ở

Johannesburg (Cộng hoà Nam Phi) năm 2002 đều xác định: phát triển bền vững phải là quá trình phát triển hài hoà, đảm bảo có sự kết hợp chặt chẽ, giữa 3 mặt: “phát triển kinh tế (nhất là tăng trưởng kinh tế), phát triển xã hội (nhất là thực hiện tiến bộ, công bằng xã hội; xoá đói giảm nghèo và giải quyết việc làm) và bảo vệ môi trường (nhất là xử lý, khắc phục ô nhiễm, phục hồi và cải thiện chất lượng môi trường; phòng chống cháy và chặt phá rừng; khai thác hợp lý và sử dụng tiết kiệm tài nguyên thiên nhiên)” (Phạm Thị Thanh Bình, 2016).

Từ đây có thể thấy, tiêu chí quan trọng nhất để đánh giá sự phát triển là bền vững hay không bền vững. Trong đó, phát triển có đáp ứng yêu cầu hiện tại nhưng không gây trở ngại cho việc đáp ứng nhu cầu của các thế hệ mai sau hay không thì phải phụ thuộc vào việc: tăng trưởng kinh tế có ổn định không, tiến bộ và công bằng xã hội có được thực hiện tốt không, môi trường tự nhiên có được bảo vệ hay không. Thiếu bất kỳ yếu tố nào trong ba yếu tố này thì mọi sự phát triển đều không được coi là phát triển bền vững, cũng có nghĩa là sự phát triển đó không đem lại cuộc sống ấm no, hạnh phúc, an toàn cho tất cả mọi người, mọi quốc gia, dân tộc và sự phát triển không bền vững đó cũng tất yếu “khép lại” cơ hội phát triển cho các thế hệ tương lai.

3.2. Vận dụng quan điểm của C.Mác và Ph.Ăng-ghe-n về quan hệ giữa con người và tự nhiên trong phát triển bền vững ở Việt Nam hiện nay

Quan điểm phát triển bền vững gắn với bảo vệ môi trường luôn được Đảng và Nhà nước ta thể hiện nhất quán trong các chủ trương, đường lối, chính sách. Ngay từ *Chiến lược ổn định và phát triển kinh tế – xã hội giai đoạn 1991 – 2000* (được thông qua tại Đại hội VII), Đảng ta đã xác định phải “nghiên cứu và phổ cập các giải pháp có hiệu quả nhằm sử dụng hợp lý tài nguyên thiên nhiên vào bảo vệ môi trường” (Đảng Cộng sản Việt Nam, 1991). Ngày 25/06/1998, Đảng ban hành Chỉ thị số 36/1998/CT-

TW về *tăng cường công tác bảo vệ môi trường trong thời kỳ công nghiệp hóa, hiện đại hóa đất nước*, trong đó đưa ra các quan điểm cơ bản về tầm quan trọng của bảo vệ môi trường, đồng thời khẳng định bảo vệ môi trường chính là cơ sở của phát triển bền vững.

Trong *Chiến lược phát triển kinh tế – xã hội giai đoạn 2001 – 2010* (được thông qua tại Đại hội IX), một trong những quan điểm phát triển được xác định là: *“phát triển nhanh, hiệu quả và bền vững; tăng trưởng kinh tế đi đôi với thực hiện tiến bộ, công bằng xã hội và bảo vệ môi trường”* (Đảng Cộng sản Việt Nam, 2001). Đây là lần đầu tiên tăng trưởng kinh tế, thực hiện tiến bộ và công bằng xã hội, bảo vệ môi trường – 3 yếu tố tạo nên sự phát triển bền vững được Đảng ta đề cập một cách cụ thể. Đây cũng là một trong những cơ sở lý luận để Chính phủ ban hành *Định hướng chiến lược phát triển bền vững ở Việt Nam* (Chương trình Nghị sự 21) ngày 17/08/2004 trong đó xác định rõ: *“mục tiêu tổng quát của phát triển bền vững là đạt được sự đầy đủ về vật chất, sự giàu có về tinh thần và văn hóa, sự bình đẳng của các công dân và sự đồng thuận của xã hội, sự hài hòa giữa con người và tự nhiên; phát triển phải kết hợp chặt chẽ, hợp lý và hài hòa được ba mặt là phát triển kinh tế, phát triển xã hội và bảo vệ môi trường”* (Thủ tướng Chính phủ, 2004). Trong Nghị quyết số 24-NQ/TW về *chủ động ứng phó với biến đổi khí hậu, tăng cường quản lý tài nguyên và bảo vệ môi trường*, ban hành ngày 03/06/2013, Đảng nêu ra quan điểm chỉ đạo là phải: *“chủ động ứng phó với biến đổi khí hậu, tăng cường quản lý tài nguyên và bảo vệ môi trường là những vấn đề có ý nghĩa đặc biệt quan trọng, có tầm ảnh hưởng lớn, quan hệ, tác động qua lại, cùng quyết định sự phát triển bền vững của đất nước”* (Đảng Cộng sản Việt Nam, 2013). Tiếp nối tinh thần của các Đại hội trước đó, văn kiện Đại hội XII của Đảng tiếp tục khẳng định: *“phát triển kinh tế phải gắn kết chặt chẽ với phát triển văn hóa, xã hội, bảo vệ môi trường, chủ động ứng phó với biến đổi khí hậu”* (Đảng Cộng sản Việt Nam, 2016).

Những định hướng đúng đó của Đảng đã từng bước được hiện thực hóa. Sau 36 năm tiến hành đổi mới đất nước, vấn đề quản lý, sử dụng hợp lý tài nguyên thiên nhiên, bảo vệ môi trường, thích ứng với biến đổi khí hậu đã bước đầu đạt được kết quả tích cực. Khái quát thực tế này, văn kiện Đại hội XIII chỉ rõ: hệ thống, chính sách pháp luật về quản lý tài nguyên, bảo vệ môi trường, thích ứng với biến đổi khí hậu tiếp tục được hoàn thiện và chỉ đạo thực hiện hiệu quả. Các hoạt động khai thác tài nguyên thiên nhiên được kiểm soát chặt chẽ hơn, xuất khẩu tài nguyên thô được hạn chế. Trong những năm gần đây, cơ cấu xuất khẩu của Việt Nam đã có sự chuyển biến tích cực theo hướng giảm tỷ trọng nhóm hàng khai thác nhiên liệu và khoáng sản. Cụ thể: tỷ trọng nhóm hàng nhiên liệu và khai thác khoáng sản đã giảm dần, từ 11% năm 2011 xuống còn 6% năm 2014. Theo báo cáo của Bộ Công Thương, kim ngạch xuất khẩu 6 tháng đầu năm 2018 của nhóm hàng nhiên liệu, khoáng sản ước đạt 2,19 tỷ USD, giảm 10,8% so với cùng kỳ năm 2017 (Nguyễn Ngọc Khánh, 2019). Năng lượng tái tạo (điện gió, điện mặt trời...) được tăng cường đầu tư, nghiên cứu phát triển để thay thế dần cho những nguồn năng lượng khai thác từ tự nhiên đang trở nên cạn kiệt. Chất lượng môi trường sống của người dân được chú trọng, cơ bản đảm bảo cung cấp nước sạch, dịch vụ y tế, dịch vụ vệ sinh môi trường ở nhiều nơi. Các giải pháp ứng phó với biến đổi khí hậu, phòng, chống thiên tai đạt hiệu quả bước đầu. Hợp tác quốc tế về bảo vệ môi trường, thích ứng với biến đổi khí hậu cũng từng bước được đẩy mạnh (Đảng Cộng sản Việt Nam, 2021).

Tuy nhiên, bên cạnh thành tựu đạt được, so với yêu cầu, công tác bảo vệ môi trường tự nhiên, thích ứng với biến đổi khí hậu để phát triển bền vững ở nước ta vẫn còn tồn tại nhiều hạn chế. Theo thống kê của Bộ Tài nguyên và Môi trường, hiện nay cả nước có hơn 5400 làng nghề; trong đó, có tới 95% làng nghề trong số đó có hoạt động sản xuất gây ô nhiễm môi trường, hơn 50% gây ô

niêm nghiêm trọng. Theo thống kê trước năm 1945, rừng bao phủ chiếm tỉ lệ 43,8%, hiện nay chỉ còn hơn 28% (tức là dưới mức báo động 30%). Diện tích đất trồng trọt đang bị xói mòn tăng mạnh lên khoảng 13,4 triệu ha (Trần Nguyễn Tuyên, 2021). Báo cáo khác cho biết, tổng thiệt hại do thiên tai gây ra đối với nước ta trong một thập kỷ gần đây (từ năm 2009 – 2019) là gần 250 nghìn tỷ đồng và thiệt hại về người lên tới hơn 2.500 người. Tính riêng năm 2018, với hơn 13 cơn bão và áp thấp nhiệt đới; 212 trận dông, lốc sét; 14 trận lũ quét, sạt lở đất; 9 đợt gió mạnh trên biển; 4 đợt rét đậm, rét hại; 11 đợt nắng nóng; 23 đợt không khí lạnh; 30 đợt mưa lớn trên diện rộng và lũ lớn tại thượng nguồn sông Cửu Long sau 7 năm kể từ 2011; thiệt hại cho nền kinh tế ước tính 20.000 tỷ đồng và 218 người chết và mất tích... (Trần Hồng Thái, 2020). Thực tế này cũng khiến cho các mục tiêu phát triển bền vững của nước ta chưa được thực hiện trọn vẹn.

Có nhiều nguyên nhân dẫn đến tình trạng trên đã được đề cập đến như: quy mô nền kinh tế và dân số nước ta ngày càng tăng; mức độ công nghiệp hóa và đô thị hóa ngày càng cao; việc khai thác tài nguyên thiên nhiên thiếu kiểm soát, nhiều nguồn gây ô nhiễm phát sinh; chất thải ngày càng tăng trong khi cơ sở hạ tầng thu gom và xử lý chất thải còn thiếu và không được đầu tư đồng bộ... Bên cạnh đó, không thể phủ nhận một thực tế là ý thức, trách nhiệm bảo vệ môi trường của một bộ phận lớn cán bộ, công chức, viên chức và người dân còn thấp; công tác quản lý nhà nước, thực thi pháp luật về bảo vệ môi trường và tổ chức ứng dụng khoa học, công nghệ trong bảo vệ môi trường nhiều lúc, nhiều nơi chưa được quan tâm đúng mức...

Những nguyên nhân này cũng cho thấy để nâng cao hiệu quả bảo vệ môi trường, cần triển khai đồng bộ nhiều giải pháp. Có thể đề cập đến một số giải pháp cơ bản trên các khía cạnh: Về mặt quản lý nhà nước: Cần tăng cường vai trò của Nhà nước, chính quyền các

cấp trong việc bảo vệ môi trường tự nhiên, gắn phát triển kinh tế – xã hội với việc bảo vệ môi trường trong từng bước đi, trong từng chính sách phát triển ở cả khâu quy hoạch, tổ chức thực hiện cũng như kiểm tra, giám sát. Hiện thực hóa những quy định trong Luật Bảo vệ môi trường được Quốc Hội nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam thông qua ngày 17/11/2020 cũng như tiếp tục hoàn thiện và hiện thực hóa nhiều quy định khác về bảo vệ môi trường tự nhiên. Về mặt văn hóa – xã hội: cần tiếp tục nâng cao nhận thức, phát huy tính chủ động, tích cực của cá nhân và các tổ chức trong việc bảo vệ môi trường tự nhiên. Thực hiện nhiều phương thức giáo dục, tuyên truyền, lan tỏa ý thức bảo vệ môi trường tự nhiên tới các tổ chức, doanh nghiệp, người dân... để từ đó, các chủ thể có những hành động thiết thực, hiệu quả nhằm bảo vệ môi trường tự nhiên, đưa việc bảo vệ môi trường tự nhiên trở thành một bộ phận trong văn hóa ứng xử của con người. Cùng với đó, cần từng bước hoàn thiện cơ sở vật chất – kỹ thuật cũng như môi trường xã hội thuận lợi cho việc bảo vệ môi trường tự nhiên. Đẩy mạnh ứng dụng thành tựu khoa học – công nghệ vào phát triển kinh tế – văn hóa – xã hội gắn với bảo vệ môi trường tự nhiên...

4. KẾT LUẬN

Như vậy, có thể thấy những giá trị trong quan điểm của triết học Mác về sự thống nhất giữa con người và tự nhiên, nhất là cảnh báo vượt thời đại của triết học Mác khi chỉ rõ những hậu quả “gần gũi” cũng như “xa xôi” mà con người phải gánh chịu nếu phá hủy tự nhiên, khai thác tự nhiên một cách cạn kiệt cho đến nay vẫn còn giữ nguyên ý nghĩa. Ý nghĩa lớn nhất chính là ở sự gợi mở của triết học Mác không chỉ đối với Việt Nam mà đối với tất cả các quốc gia trên thế giới, đối với toàn thể nhân loại về hướng phát triển bền vững phải gắn liền với bảo vệ môi trường tự nhiên, bảo vệ thân thể vô cơ của con người vì hạnh phúc đích thực của chính bản thân con người.

TÀI LIỆU THAM KHẢO

- Bảo Duy. (2019). *15 thảm họa thiên nhiên gây thiệt hại tỷ đô trong năm 2019*. Truy cập ngày 23/05/2022, từ <https://tuoitre.vn/15-tham-hoa-thien-nhien-gay-thiet-hai-ti-do-trong-nam-2019-2019122720435122.htm>
- C.Mác & Ph.Ăng-ghen. (1995). *Toàn tập, Tập 3*. Hà Nội: Nxb. Chính trị Quốc gia.
- C.Mác & Ph.Ăng-ghen. (2000). *Toàn tập, Tập 42*. Hà Nội: Nxb. Chính trị quốc gia.
- C.Mác & Ph.Ăng-ghen. (2002). *Toàn tập, Tập 20*. Hà Nội: Nxb. Chính trị Quốc gia.
- C.Mác & Ph.Ăng-ghen. (2002). *Toàn tập, Tập 23*. Hà Nội. Nxb. Chính trị Quốc gia.
- Đảng Cộng sản Việt Nam. (1991). *Văn kiện Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ VII*. Hà Nội: Nxb. Sự thật.
- Đảng Cộng sản Việt Nam. (1998). *Chỉ thị số 36/1998/CT-TW ngày 25/06/1998 về Tăng cường công tác bảo vệ môi trường trong thời kỳ công nghiệp hóa, hiện đại hóa đất nước*.
- Đảng Cộng sản Việt Nam. (2001). *Văn kiện Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ IX*. Hà Nội: Nxb. Chính trị Quốc gia.
- Đảng Cộng sản Việt Nam. (2013). *Nghị quyết số 24-NQ/TW ngày 03/06/2013 về Chủ động ứng phó với biến đổi khí hậu, tăng cường quản lý tài nguyên và bảo vệ môi trường*.
- Đảng Cộng sản Việt Nam. (2016). *Văn kiện Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XII*. Hà Nội: Nxb. Chính trị Quốc gia.
- Đảng Cộng sản Việt Nam. (2021). *Văn kiện Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XIII, Tập 1*. Hà Nội: Nxb. Chính trị Quốc gia.
- Lê Ánh. (2022). *Những con số biết nói trong Báo cáo của Liên hợp quốc về biến đổi khí hậu*. Truy cập ngày 23/05/2022, từ <https://www.vietnamplus.vn/nhung-con-so-biet-noi-trong-bao-cao-cua-lien-hop-ve-bien-doi-khi-hau/775715.vnp>.
- Nguyễn Ngọc Khánh. (2019). *Một số vấn đề về quản lý nhà nước đối với hoạt động xuất khẩu khoáng sản*. Truy cập ngày 23/05/2022, từ <https://tapchitaichinh.vn/nghien-cuu-trao-doi/mot-so-van-de-ve-quan-ly-nha-nuoc-doi-voi-hoat-dong-xuat-khau-khoang-san-301353.html>.
- Phạm Thị Thanh Bình. (2016). *Phát triển bền vững ở Việt Nam: Tiêu chí đánh giá và định hướng phát triển*. Truy cập ngày 10/06/2022, từ <https://www.tapchicongsan.org.vn/web/guest/chi-tiet-tim-kiem/-/2018/41199/phat-trien-ben-vung-o-viet-nam--tiu-chi-%C4%91anh-gia-va-%C4%91inh-huong-phat-trien.aspx>.
- Thủ tướng Chính phủ. (2004). *Quyết định số 153/2004/QĐ – TTG ngày 17/08/2004 về việc Ban hành Chiến lược phát triển bền vững ở Việt Nam (Chương trình Nghị sự 21)*. Truy cập ngày 23/05/2022, từ <https://thuvienphapluat.vn/van-ban/Bo-may-hanh-chinh/Quyet-dinh-153-2004-QD-TTg-Dinh-huong-chien-luoc-phat-trien-ben-vung-Viet-Nam-Chuong-trinh-nghi-su-21-Viet-Nam-52318.aspx>.
- Trần Hồng Thái. (2020). *Đánh giá tác động của cục đoàn khí hậu dưới ảnh hưởng biến đổi khí hậu với phát triển bền vững*. Truy cập ngày 23/05/2022, từ <http://hdl.vn/vi/nghien-cuu---trao-doi/danh-gia-tac-dong-cua-cuc-doan-khi-hau-duoi-anh-huong-bien-doi-khi-hau-voi-phat-trien-ben-vung.html>.
- Trần Nguyễn Tuyên. (2021). *Một số vấn đề về môi trường ở Việt Nam hiện nay – thực trạng và giải pháp*. Truy cập ngày 23/05/2022, từ <http://hdl.vn/vi/nghien-cuu---trao-doi/mot-so-van-de-ve-moi-truong-o-viet-nam-hien-nay--thuc-trang-va-giai-phap.html>.